

TCVN 6243-1: 2003**ISO 727-1: 2002**

Soát xét lần 1

**PHỤ TÙNG NỐI BẰNG POLY(VINYL CLORUA) KHÔNG
HOÁ ĐẺO (PVC-U),
POLY(VINYL CLORUA) CLO HÓA (PVC-C) HOẶC
ACRYLONITRILE/BUTADIEN/STYREN (ABS) VỚI CÁC
KHỚP NỐI NHẸN DÙNG CHO ỐNG CHỊU ÁP LỰC –
PHẦN 1: DÃY THÔNG SỐ THEO HỆ MÉT**

*Fittings made from unplasticized poly(vinyl chloride) (PVC-U), chlorinated poly(vinyl chloride) (PVC-C), or acrylonitrile/butadiene/styrene (ABS)
with plain sockets for pipes under pressure –
Part 1: Metric series*

Lời nói đầu

TCVN 6243-1: 2003 thay thế TCVN 6243: 1997.

TCVN 6243-1: 2003 hoàn toàn tương đương với ISO 727-1: 2002.

TCVN 6243-1: 2003 do Ban kỹ thuật Tiêu chuẩn TCVN/TC 138 “Ống và phụ tùng đường ống” biên soạn, Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng đề nghị, Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành.

**Phụ tùng nối bằng poly(vinyl clorua) không hoá dẻo (PVC – U),
poly(vinyl clorua) clo hoá (PVC – C) hoặc
acrylonitrile/butadien/styren (ABS) với các khớp nối nhẵn dùng
cho ống chịu áp lực –**

Phần 1: Dãy thông số theo hệ mét

Fittings made from unplasticized poly(vinyl chloride) (PVC-U), chlorinated poly(vinyl chloride) (PVC-C), or acrylonitrile/butadiene/styrene (ABS) with plain sockets for pipes under pressure –

Part 1: Metric series

1 Phạm vi áp dụng

Tiêu chuẩn này qui định kích thước cho các khớp nối nhẵn (hình trụ và hình côn) của phụ tùng nối bằng poly(vinyl clorua) không hoá dẻo (PVC-U), poly(vinyl clorua) clo hoá (PVC-C) hoặc acrylonitril/butadien/styren (ABS), được nối bằng dung dịch chất kết dính với các ống chịu áp lực làm bằng vật liệu tương ứng.

Mối nối không đòi hỏi liên kết cơ học.

Chú thích - Lời khuyên cho nhà sản xuất phụ tùng nối là nên lựa chọn loại thích hợp cho dung dịch chất kết dính, tùy thuộc vào một trong hai loại khớp nối hình trụ hoặc hình côn để sử dụng cho việc lắp đặt chi tiết.

2 Tiêu chuẩn viện dẫn

TCVN 6150 -1: 2003 (ISO 161 -1: 1996), Ống nhựa nhiệt dẻo dùng để vận chuyển chất lỏng - Đường kính ngoài danh nghĩa và áp suất danh nghĩa - Phần 1: Dãy thông số theo hệ mét.

3 Thuật ngữ và định nghĩa

Trong tiêu chuẩn này, áp dụng các thuật ngữ và định nghĩa sau:

TCVN 6243 - 1: 2003

3.1 Khớp nối hình trụ (*cylindrical socket*)

Khớp nối nhân dạng hình trụ có các kích thước để và miệng như nhau.

Chú thích 1 - Trong thực tế, các khớp nối như thế được sản xuất có độ thon nhẹ với điều đích là trợ giúp việc lấy phụ tùng nối được sản xuất ra khỏi khuôn (xem điều 6).

Chú thích 2 - Thuật ngữ khớp nối thẳng (*parallel socket*) được sử dụng ở một số nước tương đương với ngữ khớp nối hình trụ (*cylindrical socket*).

3.2 Khớp nối hình côn (*conical socket*)

Khớp nối nhân được thiết kế có độ thon bắt đầu từ đế đến miệng và có độ hở nhỏ hơn khớp nối dạng hình trụ.

Chú thích - Thuật ngữ khớp nối dạng thon (*tapered socket*) được sử dụng ở một số nước tương đương với ngữ khớp nối hình côn (*conical socket*).

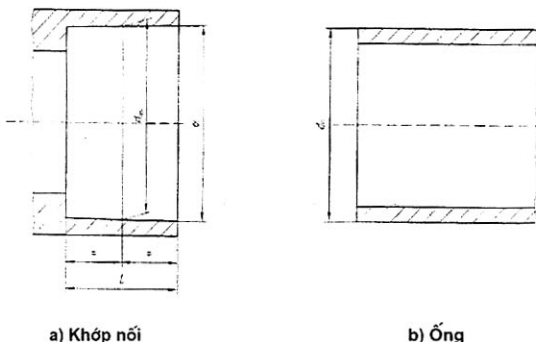
3.3 Đường kính trong trung bình tại điểm giữa chiều sâu của khớp nối, (*mean inside diameter mid-point of socket depth*), d_m

Trung bình cộng của hai đường kính đo được vuông góc với nhau tại điểm giữa chiều sâu của khớp

4 Chiều dài khớp nối

Đối với các khớp nối hình trụ, chiều dài tối thiểu của khớp nối L (xem hình 1) phải phù hợp với bảng

Đối với các khớp nối hình côn, chiều dài tối thiểu của khớp nối L (xem hình 2) phải phù hợp với bảng



Hình 1 - Kích thước của các khớp nối hình trụ

Bảng 1 - Kích thước của các khớp nối hình trụ

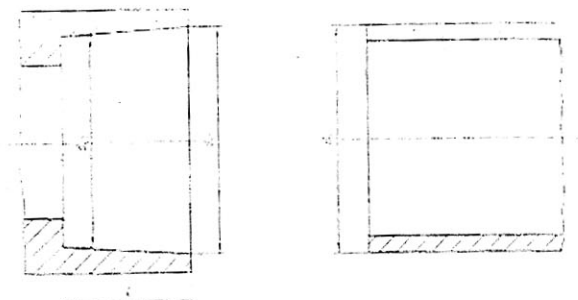
Kích thước tính bằng milimet

Đường kính ngoài danh nghĩa d_n	Chiều dài tối thiểu của khớp nối ^a L	Đường kính trong trung bình tại điểm giữa của độ sâu khớp nối d_m		Độ oval ^b max
		min	max	
10	12	10,1	10,3	0,25
12	12	12,1	12,3	0,25
16	14	16,1	16,3	0,25
20	16	20,1	20,3	0,25
25	18,5	25,1	25,3	0,25
32	22	32,1	32,3	0,25
40	26	40,1	40,3	0,25
50	31	50,1	50,3	0,3
63	37,5	63,1	63,3	0,4
75	43,5	75,1	75,3	0,5
90	51	90,1	90,3	0,6
110	61	110,1	110,4	0,7
125	68,5	125,1	125,4	0,8
140	76	140,2	140,5	0,9
160	86	160,2	160,5	1
180	96	180,2	180,6	1,1
200	106	200,2	200,6	1,2
225	118,5	225,3	225,7	1,4
250	131	250,3	250,8	1,5
280	146	280,3	280,9	1,7
315	163,5	315,4	316	1,9
355	183,5	355,5	356,2	2,2
400	206	400,5	401,5	2,4

a Các giá trị được nêu ở trên đối với chiều dài tối thiểu của khớp nối có liên quan đến khớp nối hình trụ được làm bằng PVC-U được tính theo công thức sau: $L = 0,5 d_n + 6$ mm, với chiều dài khớp nối tối thiểu 12 mm.

Do trạng thái co lại của khớp nối hình trụ làm bằng PVC-C và ABS, chiều dài khớp nối được tính theo công thức: $L = 0,5 d_n + 5$ mm.

b Dung sai độ oval là giá trị làm được làm tròn số thu được theo ISO 11922 -1: 1997, cấp M, nhân với 0,25



a) Khớp nối

b) Ống

Hình 2 - Kích thước của các khớp nối hình côn

Bảng 2 - Kích thước của các khớp nối hình côn

Kích thước tính bằng milimét

Đường kính ngoài danh nghĩa d_n	Chiều dài khớp nối tối thiểu L	Đường kính trong trung bình				Độ sai max
		Miệng khớp nối d_{s1}		Đế khớp nối d_{s2}		
		min.	max.	min.	max.	
12	12	12,25	12,45	11,9	12,1	0,25
16	16	16,25	16,45	15,9	16,1	0,25
20	20	20,25	20,45	19,9	20,1	0,25
25	25	25,25	25,45	24,9	25,1	0,25
32	30	32,25	32,45	31,9	32,1	0,25
40	35	40,25	40,45	39,8	40,1	0,25
50	41	50,25	50,45	49,8	50,1	0,3
63	50	63,25	63,45	62,8	63,1	0,4
75	60	73,3	75,6	74,75	75,1	0,5
90	72	90,3	90,6	89,75	90,1	0,6
110	88	110,3	110,6	109,75	110,1	0,7

5 Đường kính trong của khớp nối

Đường kính trong trung bình của khớp nối phải phù hợp với các yêu cầu trong bảng 1 đối với khớp nối hình trụ và trong bảng 2 đối với khớp nối hình côn và được đưa trên các kích thước của ống nhựa nhiệt dẻo trong TCVN 6150 -1: 2003 (ISO 161 -1: 1996).

6 Độ thon của khớp nối hình trụ

Độ vát hình côn bên trong lớn nhất của phần nối không được vượt quá các giá trị sau:

$$d_n \leq 63 \text{ mm}: 0^\circ 40'$$

$$75 \text{ mm} \leq d_n \leq 315 \text{ mm}: 0^\circ 30'$$

$$355 \text{ mm} \leq d_n \leq 400 \text{ mm}: 0^\circ 15'$$

7 Ghi nhãn

Sự nhận biết về các loại khớp nối nhãn khác nhau (hình trụ hoặc hình côn) phải được thể hiện trong việc ghi nhãn được qui định tối thiểu cho sản phẩm liên quan và phải được đưa vào trong tiêu chuẩn sản phẩm tương ứng.

Thư mục tài liệu tham khảo

- [1] TCVN 7093 -1: 2003 (ISO 11922 - 1 : 1997), Ống nhựa nhiệt dẻo dùng để vận chuyển chất lỏng, Kích thước và dung sai - Phần 1: Dây thông số theo hệ mét.
-